TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY NAM** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2018/HNGĐ-ST.
Ngày: 10-7-2018.
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nguyên.
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Nguyễn Văn Đông.
Ông Lê Kim Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Diệu - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 57/2018/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2018 về việc: *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 79/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Huỳnh Ngọc D - Sinh năm: 1983, nơi đăng ký KHTT: Ấp T, xã Y, huyện M, tỉnh Bến Tre, địa chỉ nơi cư trú hiện nay: Ấp A, xã Z, huyện M, tỉnh Bến Tre (có mặt).

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn T.E - Sinh năm: 1987, địa chỉ: Ấp T, xã Y, huyện M, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 03 tháng 01 năm 2018, bản tự khai ngày 22 tháng 3 năm 2018, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là chị Huỳnh Ngọc D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn T.E tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán vào năm 2008, có đăng ký kết hôn vào ngày 25/4/2008 và đã được Ủy ban nhân dân xã Y, huyện N (nay là huyện M), tỉnh Bến Tre cấp giấy chứng nhận kết hôn, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc hay lừa dối. Anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn mà

nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh T.E không lo làm ăn, thường xuyên uống rượu, không quan tâm chăm sóc chị và các con. Chị và anh T.E sống ly thân từ tháng 02 năm 2018 cho đến nay mà không thể đoàn tụ được, không có sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Chị D xác định giữa chị và anh T.E đã không còn tình cảm vợ chồng, không thể đoàn tụ được nên yêu cầu ly hôn với anh T.E, không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

Về nuôi con chung: Chị và anh Nguyễn Văn T.E có hai người con chung là Nguyễn Huỳnh Thanh T - Sinh ngày 01/5/2013 và Nguyễn Huỳnh Thanh Tr - Sinh ngày 19/5/2016. Hai người con này hiện đang sống chung với chị D. Chị D yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh T.E cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị D xác định là không có.

Bị đơn là anh Nguyễn Văn T.E vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa sơ thẩm và cũng không gửi cho Tòa án văn bản nào thể hiện ý kiến của anh có liên quan đến vụ án.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre phát biểu:

Thẩm phán thụ lý, giải quyết vụ án thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử sơ thẩm, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ quy định tại các điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại các điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Sau khi tóm tắt nội dung vụ án, phân tích, đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào các điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Huỳnh Ngọc D đối với anh Nguyễn Văn T.E. Về con chung: Giao cho chị Huỳnh Ngọc D được quyền tiếp tục trực tiếp nuôi hai người con chung giữa chị với anh Nguyễn Nguyễn Văn T.E là Nguyễn Huỳnh Thanh T - Sinh ngày 01/5/2013 và Nguyễn Huỳnh Thanh Tr - Sinh ngày 19/5/2016, ghi nhận việc chị D không yêu cầu anh T.E cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, về nợ chung: Không có yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Huỳnh Ngọc D có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về việc: *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* với anh Nguyễn Văn T.E có địa chỉ tại ấp T, xã Y, huyện M, tỉnh Bến Tre nên Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre thụ lý, giải quyết là phù hợp với quy định tại các điều 28, 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Mặc dù được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định tại Điều 177 và Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng bị đơn là anh Nguyễn Văn T.E vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa sơ thẩm; đồng thời chị Huỳnh Ngọc D có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải được và xét xử vắng mặt anh T.E là phù hợp với quy định tại các điều 207, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Việc kết hôn giữa chị Huỳnh Ngọc D với anh Nguyễn Văn T.E là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên được công nhận và bảo vệ. Tuy nhiên, chị D cho rằng cuộc hôn nhân đã không còn hạnh phúc nên yêu cầu được ly hôn với anh T.E.

Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ xác định được chị D và anh T.E có phát sinh mâu thuẫn, đã sống ly thân từ đầu năm 2018 cho đến nay mà không thể đoàn tụ được, giữa anh chị cũng không có sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau trong cuộc sống. Anh T.E dù đã được triệu tập hợp lệ theo quy định của pháp luật nhưng vẫn vắng mặt, cho thấy anh không có mong muốn gặp gỡ, trao đổi nhằm hàn gắn quan hệ hôn nhân với chị D; mặt khác trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm chị D vẫn kiên quyết yêu cầu ly hôn với anh T.E từ đó cho thấy quan hệ hôn nhân giữa chị D và anh T.E đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của chị D về việc xin ly hôn với anh T.E là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về nuôi con chung: Chị Huỳnh Ngọc D yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi hai người con chung giữa chị với anh Nguyễn Văn T.E là Nguyễn Huỳnh Thanh T - Sinh ngày 01/5/2013 và Nguyễn Huỳnh Thanh Tr - Sinh ngày 19/5/2016. Xét thấy, hai người con này hiện đang sống chung với chị D, riêng người con nhỏ hiện dưới ba mươi sáu tháng tuổi. Trong khi đó, anh T.E vắng mặt và không gửi cho Tòa án văn bản có yêu cầu gì liên quan đến việc nuôi con. Do vậy cần chấp nhận yêu cầu của chị D về việc nuôi con là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung, về nợ chung: Anh Nguyễn Văn T.E vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa sơ thẩm và cũng không gửi cho Tòa án văn bản nào thể hiện ý kiến của anh có yêu cầu gì về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, về tài sản chung, về nợ chung; chị Huỳnh Ngọc D không yêu cầu gì về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, không yêu cầu anh T.E cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, xác định là không có nợ chung; đồng thời Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre cũng không nhận được đơn yêu cầu giải quyết về nợ có liên quan đến vụ án nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Huỳnh Ngọc D là người khởi kiện yêu cầu ly hôn nên chị phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; các điều 5, 147, 271, 273, 278, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chị Huỳnh Ngọc D được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.E.

2/ Về nuôi con chung:

2.1) Chị Huỳnh Ngọc D được quyền tiếp tục, trực tiếp nuôi hai người con chung giữa chị với anh Nguyễn Văn T.E là Nguyễn Huỳnh Thanh T - Sinh ngày 01/5/2013 và Nguyễn Huỳnh Thanh Tr - Sinh ngày 19/5/2016 (hai người con này hiện đang sống chung với chị D).

2.2) Anh Nguyễn Văn T.E có quyền thăm nom con; không ai được cản trở anh thực hiện quyền này. Trong trường hợp anh Nguyễn Văn T.E lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì chị Huỳnh Ngọc D có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh T.E.

2.3) Vì lợi ích của con chung, chị Huỳnh Ngọc D, anh Nguyễn Văn T.E, hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình có quyền yêu cầu Tòa án quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3/ Về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung, về nợ chung: Anh Nguyễn Văn T.E vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa sơ thẩm và cũng không gửi cho Tòa án văn bản nào thể hiện ý kiến của anh có yêu cầu gì về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, về tài sản chung, về nợ chung; chị Huỳnh Ngọc D không yêu cầu gì về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, không yêu cầu anh T.E cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, xác định là không có nợ chung; đồng thời Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre cũng không nhận được đơn yêu cầu giải quyết về nợ có liên quan đến vụ án nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Huỳnh Ngọc D phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn; nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là: 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo

biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0014744 ngày 01 tháng 3 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Bến Tre, chị Huỳnh Ngọc D đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5/ Về quyền kháng cáo, kháng nghị đối với bản án: Chị Huỳnh Ngọc D có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; anh Nguyễn Văn T.E vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết; Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre giải quyết lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- UBND xã Y, huyện M, tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam;
- Chi cục T.H.A.D.S huyện M, tỉnh Bến Tre;
- Phòng KTNV và THA-TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Vp, Bp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)
Nguyễn Văn Nguyên